

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 207/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 12 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên,

2. Ông Trần Thanh Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 470/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 498/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981

Hộ khẩu thường trú: ấp V, xã Thạnh Y, huyện Th, tỉnh Kiên Giang

Nơi ở hiện nay: số 543 khu Công nghiệp B, thị xã C, tỉnh Bình Dương

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1982

Cư trú: số 47/8A, khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đ (Phân trại 3)

Tại phiên tòa bà L và ông Ph vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Ph tự nguyện quen biết và tiến đến hôn nhân năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Y, huyện Th, tỉnh Kiên Giang vào năm 2005. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, thường xuyên bất hòa. Năm 2018, ông Ph vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 13 năm tù. Nay tình cảm không còn, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà L yêu cầu được ly hôn ông Ph. Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông Ph có 01 (một) con chung là em Nguyễn Phúc T, sinh năm 2003, hiện đã thành niên, đủ khả năng lao động, nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ph trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà L kết hôn năm 2002 có đăng ký kết hôn. Nhưng hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, bất đồng quan điểm, nên ông đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông Ph và bà L có một con chung là em Nguyễn Phúc T, sinh năm 2003, hiện đã thành niên, đủ khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, bà L và ông Ph đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Ph kết hôn có đăng ký kết hôn; bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn, còn ông Ph là người có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà L và ông Ph đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông Ph tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Bà L cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, có thời gian dài xa cách nên không còn tình cảm. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng bà L kiên quyết xin ly hôn. Ông Ph cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của bà L và ông Ph đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: bà L và ông Ph xác định ông bà có một con chung là em Nguyễn Phúc T, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2003, đã thành niên và có đủ khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà L và ông Ph đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này.

[4] Về án phí: bà L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 238; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 19; 51; 53; 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ph.
2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Ph có 01 (một) con chung là em Nguyễn Phúc T, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2003, đã thành niên và có đủ khả năng lao động. Không xem xét về vấn đề con chung.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.
4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000871 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND x. Thạnh Y, h. Th, t. Kiên Giang;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Nguyên

Trần Thanh Việt

Nguyễn Thùy Giang